TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-10-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thụy Thùy Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1983; địa chỉ: số 97, tổ 4, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 2, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không

hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr, sinh ngày 13/12/2010 (hiện do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ (D) về tổ chức lễ cưới, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn sống chung. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr, sinh ngày 13/12/2010 (hiện do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Phạm Văn T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 26/7/2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo bà D trình bày: Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, ông T sống với người phụ nữ khác và ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà D yêu cầu ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M - Sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr - Sinh ngày 13/12/2010, đang sống với bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý để bà D tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu M và cháu Tr sống với bà D vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, nguyện vọng của các cháu là sống với bà D và ông T cũng đồng ý để bà D nuôi con chung. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các cháu nghĩ nên để bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, cháu Tr. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy D đối với ông Phạm Văn T.

- Bà Nguyễn Thị Thúy D được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Phạm Thị Diễm M - Sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr - Sinh ngày 13/12/2010, ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thúy D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T, anh T có nơi cư trú ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Văn T trình bày: Anh chị có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì anh T và chị D có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 136 ngày 26/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết thì phía anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị D, anh T xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr, sinh ngày 13/12/2010 (hiện do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị D và anh T thống thỏa thuận, chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị D và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị D và anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D đối với anh Phạm Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 136, do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 7 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Văn T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 20/6/2002 và Phạm Thị Diễm Tr, sinh ngày 13/12/2010 (hiện do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị Nguyễn Thị Thúy D cùng các T viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Văn T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị D và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013348 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư